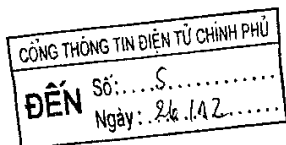


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2014



NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng Thanh tra y tế; thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên Thanh tra y tế; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động Thanh tra y tế.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Sở Y tế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Sở Y tế.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Chương II TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN THANH TRA Y TẾ

Điều 4. Các cơ quan thực hiện chức năng Thanh tra y tế

1. Cơ quan thanh tra nhà nước:

- a) Thanh tra Bộ Y tế;
- b) Thanh tra Sở Y tế.

2. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

a) Tổng cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình; Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục Quản lý Môi trường y tế; Cục Y tế dự phòng; Cục An toàn thực phẩm (sau đây gọi chung là Tổng cục và Cục);

b) Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (sau đây gọi chung là Chi cục).

3. Thanh tra Bộ Y tế, Thanh tra Sở Y tế có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Y tế

Thanh tra Bộ Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 18 của Luật Thanh tra, Điều 7 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2011/NĐ-CP) và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- 1. Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế quản lý nhà nước về công tác thanh tra y tế.
- 2. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- 3. Xây dựng kế hoạch thanh tra y tế hằng năm trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

4. Hướng dẫn Thanh tra Sở Y tế và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Y tế xây dựng kế hoạch thanh tra y tế hàng năm.

5. Thường trực công tác tiếp dân theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế, Tổng Thanh tra Chính phủ về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân; phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật.

7. Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về công tác thanh tra y tế.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Y tế

Chánh Thanh tra Bộ Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 19 của Luật Thanh tra, Điều 8 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thành lập các Đoàn thanh tra theo kế hoạch thanh tra được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Quyết định thanh tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng do Bộ trưởng Bộ Y tế giao.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Y tế ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra, Đoàn thanh tra hành chính liên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc đột xuất đối với vụ việc đặc biệt phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành; quyết định thành lập Đoàn thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc đột xuất đối với vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều cấp, nhiều ngành.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Y tế khi được giao.

4. Tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Y tế trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

6. Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng Bộ Y tế khi được giao.

7. Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Thủ trưởng các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của các cơ quan này có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, giải quyết lại.

8. Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Y tế.

9. Yêu cầu Chánh Thanh tra Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành báo cáo về công tác thanh tra y tế và thanh tra chuyên ngành định kỳ hoặc đột xuất.

10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Y tế

Thanh tra Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 24 của Luật Thanh tra, Điều 13 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra y tế hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt; định hướng các Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Sở Y tế xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm.

2. Tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

3. Tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Chánh Thanh tra tỉnh về kết quả công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở Y tế

Chánh Thanh tra Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 25 của Luật Thanh tra, Điều 14 của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thành lập Đoàn thanh tra theo kế hoạch thanh tra đã được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.

2. Quyết định việc thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng do Giám đốc Sở Y tế giao.

3. Trình Giám đốc Sở Y tế ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra, Đoàn thanh tra liên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất.

4. Giúp Giám đốc Sở Y tế kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế khi được giao.

5. Tổ chức tiếp công dân theo quy định của pháp luật; giúp Giám đốc Sở Y tế theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Giám đốc Sở Y tế trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

6. Xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Y tế khi được giao.

7. Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Thủ trưởng các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của Giám đốc Sở Y tế đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của các cơ quan này có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Giám đốc Sở Y tế xem xét, giải quyết lại.

8. Yêu cầu Chi cục trưởng các Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành báo cáo về công tác thanh tra chuyên ngành định kỳ hoặc đột xuất.

9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 10 của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 07/2012/NĐ-CP) và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm thuộc phạm vi được giao gửi Thanh tra Bộ Y tế tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thanh tra y tế; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra sau khi được phê duyệt; phối hợp với Thanh tra Sở Y tế trong việc hướng dẫn Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm.

2. Phối hợp với Thanh tra Sở Y tế theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của các Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

3. Tổng hợp, báo cáo Thanh tra Bộ Y tế kết quả công tác thanh tra chuyên ngành.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Cục trưởng, Cục trưởng

Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 11 của Nghị định 07/2012/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

3. Cử công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tham gia các Đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ Y tế và của các cơ quan thanh tra liên quan khi được yêu cầu.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 10 của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm thuộc phạm vi, thẩm quyền được giao gửi Thanh tra Sở Y tế tổng hợp, trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kế hoạch thanh tra Y tế; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra sau khi được phê duyệt.

2. Tổng hợp, báo cáo Thanh tra Sở Y tế kết quả công tác thanh tra chuyên ngành.

3. Cử công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tham gia các đoàn thanh tra của Thanh tra Sở Y tế và của các cơ quan thanh tra liên quan khi được yêu cầu.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trưởng

Chi Cục trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 11 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Báo cáo, kiến nghị Giám đốc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý chuyên ngành của Chi cục.

2. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành thuộc Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế và Chi cục thuộc Sở Y tế

1. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được tổ chức trong Vụ Pháp chế-Thanh tra; tại các Cục thuộc Bộ Y tế được tổ chức theo mô hình Phòng; tại các Chi cục được tổ chức theo mô hình Phòng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành giúp Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Làm đầu mối phối hợp với các đơn vị, bộ phận có liên quan thuộc cơ quan mình để xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp;

b) Làm đầu mối phối hợp triển khai thực hiện thanh tra theo kế hoạch; thanh tra thường xuyên; thanh tra đột xuất khi được Thủ trưởng cơ quan giao;

c) Làm đầu mối tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả công tác thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi, thẩm quyền của cơ quan;

d) Giúp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

đ) Kiến nghị xử phạt các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THANH TRA Y TẾ

Điều 14. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này.
2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Sở Y tế.
3. Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.
4. Hoạt động thanh tra hành chính được tiến hành theo Đoàn thanh tra và các quy định của pháp luật về thanh tra hành chính.

Điều 15. Hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định này.
2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành được tiến hành theo Đoàn thanh tra hoặc do thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành độc lập và phải tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành.

Điều 16. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực y tế dự phòng, an toàn thực phẩm và môi trường y tế

1. Thanh tra chuyên ngành về y tế dự phòng:
 - a) Thanh tra việc thực hiện quy định về bảo quản, sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế trong dự phòng và điều trị;
 - b) Thanh tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
 - c) Thanh tra việc thực hiện quy định liên quan đến cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký lưu hành và việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
 - d) Thanh tra việc thực hiện các quy định về an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm;

đ) Thanh tra việc thực hiện quy định về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội;

e) Thanh tra việc thực hiện quy định về kiểm dịch y tế biên giới;

g) Thanh tra việc thực hiện quy định về vệ sinh sức khỏe môi trường, vệ sinh sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, chất lượng nước uống, nước sinh hoạt;

h) Thanh tra việc thực hiện quy định về hoạt động dự phòng các bệnh không lây nhiễm; việc thực hiện quy định về chế độ chính sách đối với y tế dự phòng;

i) Thanh tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống bệnh chưa rõ nguyên nhân.

2. Thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm:

a) Thanh tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thực phẩm và sản phẩm thực phẩm do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

b) Thanh tra việc thực hiện các tiêu chuẩn có liên quan đến an toàn thực phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng đối với sản xuất, kinh doanh thực phẩm và sản phẩm thực phẩm;

c) Thanh tra việc thực hiện quy định về quảng cáo, ghi nhãn đối với thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về chứng nhận hợp quy, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và các quy định khác của pháp luật về an toàn thực phẩm;

đ) Thanh tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

3. Thanh tra chuyên ngành về môi trường y tế:

a) Thanh tra việc thực hiện quy định về quản lý chất thải y tế và an toàn bức xạ;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng và chất lượng môi trường y tế;

c) Thanh tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế.

Điều 17. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, y dược cổ truyền và bảo hiểm y tế

1. Thanh tra chuyên ngành về khám bệnh, chữa bệnh

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh;

b) Thanh tra việc thực hiện quy chế, quy trình, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật và quy tắc quản lý chuyên ngành lĩnh vực khám, chữa bệnh;

c) Thanh tra việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Thanh tra việc thực hiện các quy trình, quy định về phục hồi chức năng, giám định pháp y, pháp y tâm thần, giám định y khoa, khám sức khỏe và dịch vụ xoa bóp, bấm huyệt, phẫu thuật thẩm mỹ;

e) Thanh tra việc thực hiện quy định về quản lý chất lượng xét nghiệm; quy định về dinh dưỡng, tiết chế người bệnh;

g) Thanh tra việc thực hiện quy định về ứng dụng bức xạ ion hóa trong khám, chữa bệnh.

2. Thanh tra chuyên ngành về y, dược cổ truyền:

a) Thanh tra việc thực hiện quy định về quy chế chuyên môn trong khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo các nội dung về khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền;

c) Thanh tra việc thực hiện các quy trình, quy định về khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về sử dụng hợp lý, an toàn, hiệu quả dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu tại các cơ sở khám, chữa bệnh y học cổ truyền.

3. Thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm y tế:

a) Thanh tra việc thực hiện quy định về đối tượng, mức đóng và phương thức đóng của người tham gia bảo hiểm y tế;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về mức hưởng bảo hiểm y tế;

c) Thanh tra việc thực hiện quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh; thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; giám định bảo hiểm y tế;

đ) Thanh tra việc thực hiện quy định về thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa Bảo hiểm xã hội với cơ sở y tế;

e) Thanh tra việc thực hiện quy định về thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa Bảo hiểm y tế và người tham gia bảo hiểm y tế.

Điều 18. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực dược, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế

1. Thanh tra chuyên ngành về dược:

a) Thanh tra việc thực hiện quy định về quy chế chuyên môn dược và các hoạt động về sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc và thuốc phóng xạ;

c) Thanh tra việc thực hiện quy định về quản lý giá thuốc;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về quản lý chất lượng thuốc và phòng, chống thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không được phép lưu hành;

đ) Thanh tra việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo thuốc; việc thực hiện quy định về đăng ký lưu hành thuốc;

e) Thanh tra việc thực hiện quy định về đảm bảo cung ứng, đấu thầu, mua thuốc tại các cơ sở khám, chữa bệnh;

g) Thanh tra việc thực hiện và duy trì các điều kiện kinh doanh thuốc;

h) Thanh tra việc thực hiện quy định về nhà thuốc bệnh viện.

2. Thanh tra chuyên ngành về mỹ phẩm:

a) Thanh tra việc thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về công bố sản phẩm mỹ phẩm;

c) Thanh tra việc thực hiện quy định về nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ mỹ phẩm;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về hồ sơ thông tin sản phẩm mỹ phẩm (PIF) theo quy định;

đ) Thanh tra việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo, ghi nhãn mỹ phẩm.

3. Thanh tra chuyên ngành về trang thiết bị y tế:

a) Thanh tra việc thực hiện quy định về sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trang thiết bị y tế;

b) Thanh tra việc thực hiện quy định về thông tin, quảng cáo trang thiết bị y tế;

c) Thanh tra việc thực hiện quy định về công bố tiêu chuẩn sản phẩm trang thiết bị y tế;

d) Thanh tra việc thực hiện quy định về đấu thầu, mua sắm, sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Điều 19. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình

1. Thanh tra việc triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án, mô hình về dân số - kế hoạch hóa gia đình, bao gồm các lĩnh vực: quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, các hoạt động dịch vụ công về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2. Thanh tra việc thực hiện các quy định, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình.

3. Thanh tra việc thực hiện quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; các quy định của pháp luật để đảm bảo cân bằng giới tính theo quy luật sinh sản tự nhiên.

4. Thanh tra việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng các phương tiện tránh thai.

5. Thanh tra việc thực hiện các quy định, hướng dẫn về sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

6. Thanh tra việc quản lý và sử dụng trang thiết bị chuyên ngành phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình.

7. Thanh tra việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Điều 20. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra

1. Cơ quan thanh tra nhà nước

a) Chánh Thanh tra Bộ Y tế ra quyết định thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan, tổ chức cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

b) Chánh Thanh tra Sở Y tế ra quyết định thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan, tổ chức cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế.

2. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

a) Tổng cục trưởng Tổng Cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các lĩnh vực chuyên ngành được Bộ trưởng Bộ Y tế giao;

b) Chi cục trưởng Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ra quyết định thanh tra chuyên ngành đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các lĩnh vực chuyên ngành được Giám đốc Sở Y tế giao.

Điều 21. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm

1. Thanh tra Bộ Y tế căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác và định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thanh tra y tế năm sau.

2. Tổng cục, các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành lập kế hoạch thanh tra của đơn vị, gửi đến Thanh tra Bộ Y tế chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 của năm. Căn cứ định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế và yêu cầu công tác quản lý, Thanh tra Bộ Y tế chịu trách nhiệm tổng hợp xây dựng kế hoạch thanh tra của năm sau trình Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm của Bộ Y tế chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 của năm.

3. Các Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành lập kế hoạch thanh tra của đơn vị, gửi đến Thanh tra Sở Y tế chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 của năm.

4. Thanh tra Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch thanh tra của Thanh tra Sở Y tế và của các Chi cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành xây dựng kế hoạch thanh tra năm sau trình Giám đốc Sở Y tế chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 của năm.

Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kế hoạch thanh tra của Sở Y tế chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của năm; gửi Thanh tra Bộ Y tế chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của năm.

5. Kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt khi cần điều chỉnh phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

Điều 22. Tổng hợp báo cáo công tác thanh tra y tế

1. Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành báo cáo Thanh tra Bộ Y tế về công tác thanh tra chuyên ngành, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Chánh Thanh tra Bộ Y tế tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Các Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành báo cáo Thanh tra Sở Y tế về công tác thanh tra chuyên ngành; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình, đồng thời gửi Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế để tổng hợp báo cáo trong phạm vi trách nhiệm của Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế.

4. Chánh Thanh tra Sở Y tế báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 23. Mối quan hệ công tác

1. Thanh tra Bộ Y tế chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở Y tế, Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế; hướng dẫn hoặc chủ trì tổ chức các cuộc thanh tra liên ngành; hướng dẫn kiểm tra về công tác thanh tra nội bộ.

2. Thanh tra Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh và sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Y tế; hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành các Chi cục thuộc Sở Y tế; có trách nhiệm cử thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ Y tế tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ Y tế.

3. Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ Y tế; phối hợp với Thanh tra Sở Y tế trong việc hướng dẫn các Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành xây dựng kế hoạch thanh tra và triển khai thực hiện; cử công chức được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ Y tế tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ Y tế.

4. Các Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Sở Y tế và Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; cử công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Sở Y tế tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Sở Y tế.

5. Các cơ quan Thanh tra y tế trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan công an, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động y tế nói riêng.

6. Các cơ quan công an, biên phòng, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Thanh tra y tế trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động y tế.

Điều 24. Xử lý chồng chéo trong hoạt động Thanh tra y tế

1. Kế hoạch thanh tra của cơ quan cấp dưới nếu có sự chồng chéo với kế hoạch của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

2. Chánh Thanh tra Bộ Y tế có trách nhiệm chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; phối hợp với Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra giữa cơ quan thanh tra các bộ, cơ quan ngang Bộ; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động Thanh tra y tế với cơ quan thanh tra của địa phương; trình Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định khi cần thiết.

3. Chánh Thanh tra Sở Y tế báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh xử lý việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra với các cơ quan thanh tra của địa phương. Trường hợp chồng chéo với các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra y tế thì phối hợp xử lý; báo cáo Chánh Thanh tra Bộ Y tế xem xét, quyết định khi cần thiết.

Điều 25. Thanh tra lại các kết luận Thanh tra y tế

1. Thẩm quyền thanh tra lại các vụ việc đã được kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong ngành y tế như sau:

a) Chánh Thanh tra Bộ Y tế quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng Cục trưởng, Cục trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Y tế kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Y tế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng Bộ Y tế giao;

b) Chánh Thanh tra Sở Y tế quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chi Cục trưởng Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Y tế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Giám đốc Sở Y tế giao.

2. Quyết định thanh tra lại bao gồm các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật Thanh tra. Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định thanh tra lại, người ra quyết định thanh tra lại phải gửi quyết định thanh tra lại cho người đã ký kết luận thanh tra và đối tượng thanh tra lại.

3. Thanh tra lại, thời hiệu thanh tra lại, thời hạn thanh tra lại, nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra lại, Trường đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, báo cáo kết quả thanh tra lại thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Nghị định 07/2012/NĐ-CP.

4. Người ra quyết định thanh tra lại ra kết luận thanh tra lại. Nội dung kết luận thanh tra lại theo quy định của pháp luật thanh tra.

5. Kết luận thanh tra lại của Chánh Thanh tra Bộ Y tế gửi tới Bộ trưởng Bộ Y tế, Tổng Thanh tra Chính phủ; Kết luận thanh tra lại của Chánh Thanh tra Sở Y tế gửi tới Giám đốc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế.

Chương IV

THANH TRA VIÊN, CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA

Điều 26. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực y tế tại Bộ Y tế hoặc Sở Y tế và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chánh Thanh tra Bộ Y tế hoặc Chánh Thanh tra Sở Y tế.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của thanh tra viên quy định tại Luật Thanh tra, Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 97/2011/NĐ-CP) và các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp với ngành, lĩnh vực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 27. Công chức thanh tra chuyên ngành

1. Công chức thanh tra chuyên ngành là công chức thuộc biên chế của Tổng cục, các Cục thuộc Bộ Y tế, Chi cục thuộc Sở Y tế được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục, các Cục, Chi cục.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của công chức thanh tra chuyên ngành quy định tại Luật Thanh tra, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp với ngành, lĩnh vực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Khi tiến hành thanh tra, công chức thanh tra chuyên ngành được xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Cộng tác viên thanh tra

1. Cộng tác viên thanh tra là người không thuộc biên chế của cơ quan thanh tra nhà nước ngành y tế được trưng tập tham gia Đoàn Thanh tra.
2. Cộng tác viên thanh tra phải là người có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan; có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra của cơ quan trưng tập.
3. Cộng tác viên thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 97/2011/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
4. Cộng tác viên thanh tra được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 97/2011/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA Y TẾ

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Y tế

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
2. Phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra hằng năm.
3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.
4. Kiện toàn tổ chức, bố trí công chức có năng lực và phẩm chất đạo đức làm công tác Thanh tra y tế; tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho công tác Thanh tra y tế.
5. Bảo đảm kinh phí, điều kiện làm việc cho các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra của Bộ Y tế.
6. Định kỳ yêu cầu cơ quan thanh tra thuộc quyền quản lý báo cáo và báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên về công tác thanh tra. Giải quyết kịp thời những vấn đề khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình.
7. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế, trang thiết bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và kinh phí hoạt động của Thanh tra Sở Y tế theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

2. Ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở Y tế và các cơ quan công an, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan về lĩnh vực y tế trên địa bàn.

Điều 31. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Y tế

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Y tế.

2. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 29 Nghị định này trong phạm vi quản lý của Sở Y tế.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Luật Thanh tra.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngành y tế:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong ngành y tế, Thủ trưởng các cơ quan thuộc ngành y tế có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo đề nghị của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra y tế để phục vụ cho hoạt động thanh tra; phối hợp với các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra y tế khi có yêu cầu;

b) Trong phạm vi trách nhiệm được giao, Thủ trưởng các cơ quan ngành y tế có trách nhiệm xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc giúp Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, xử lý kịp thời vi phạm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị được phát hiện qua công tác thanh tra.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2015 và thay thế Nghị định số 77/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế.

Bãi bỏ Nghị định số 79/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng Thanh tra y tế, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). M *140*

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng